

Số: 46/2018/QĐST-HNGĐ

YK, ngày 13 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị N sinh năm 1992; địa chỉ xóm PA, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh T sinh năm 1987; địa chỉ xóm PA, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/8/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị N sinh năm 1992; địa chỉ xóm PA, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

Anh T sinh năm 1987; địa chỉ xóm PA, xã KT, huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về nuôi con: Chị N và anh T đều trình bày, vợ chồng có 02 con chung là cháu A sinh ngày 23/8/2011 và cháu H sinh ngày 14/9/2012; chị N và anh T thoả thuận giao cháu A cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu A trưởng thành; giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H trưởng thành; các biên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu A được sống chung với chị N và anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu A; chị N không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu A.

Chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu H được sống chung với anh T và chị N có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu H; anh T không được cản trở chị N trong việc thăm nom, chăm sóc cháu H.

Về tài sản: Chị N và anh T cùng trình bày, vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung với nhau, nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí: Chị N và anh T thỏa thuận chị N nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N ã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001879 ngày 12/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, chị N được hoàn lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KT
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Lực